

Trụ Năm 2006			Trụ Tháng 10			Trụ Ngày 12			Trụ Giờ 20:01		
Thực BÍNH	TUẤT	Mộ	T.Tài MẬU	TUẤT	Mộ	Thân GIÁP	T.Tài	Dưỡng	Tỷ GIÁP	TUẤT	Dưỡng
Mậu	Đinh	Tân	Mậu	Đinh	Tân	Mậu	Đinh	Tân	Mậu	Đinh	Tân
T.Tài	Thương	Quan	T.Tài	Thương	Quan	T.Tài	Thương	Quan	T.Tài	Thương	Quan
Mộ	Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Dưỡng	Q.Đới
Dưỡng			Dưỡng			Dưỡng			Dưỡng		
Thiên Đức QN			Hoa Cái			Hoa Cái			Hoa Cái		
Nguyệt Đức QN			Khôi Cương			Quốc Ân			Quốc Ân		
Hoa Cái											
Quốc Ân											
Tú Quý Nhân											
Đại Vận 0 (0 - 8 tuổi)			Đại Vận 1 (9 - 18 tuổi)			Đại Vận 2 (19 - 28 tuổi)			Đại Vận 3 (29 - 38 tuổi)		
T.Tài			Tài KỶ	HỢI	Thai	Sát CANH	TÝ	Tử	Quan TÂN	SỬU	Dưỡng
MẬU	TUẤT	Mộ	KỶ	Nhâm		Mậu	Quý		Kỷ	Tân	Quý
Mậu	Đinh	Tân	Giáp	Nhâm		T.Đinh	Án		Tài	Quan	Án
T.Tài	Thương	Quan	Tỷ	Kiêu		T.Sinh	L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đới
Mộ	Dưỡng	Q.Đới	T.Sinh	L.Quan			L.Quan				
Đại Vận 4 (39 - 48 tuổi)			Đại Vận 5 (49 - 58 tuổi)			Đại Vận 6 (59 - 68 tuổi)			Đại Vận 7 (69 - 78 tuổi)		
Kiêu NHÂM	DẦN	Bệnh	Án QUÝ	MÃO	T.Sinh	Tỷ GIÁP	THÌN	Suy	Kiếp ÁT	TÝ	M.Dục
Giáp	Bính	Mậu	QUÝ	Át		Mậu	Át	Quý	Bính	Mậu	Canh
Tỷ	Thực	T.Tài		Kiếp		T.Đinh	Kiếp	Án	Thực	T.Tài	Sát
L.Quan	T.Sinh	T.Sinh		L.Quan		Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh
Đại Vận 8 (79 - 88 tuổi)			Đại Vận 9 (89 - 98 tuổi)			Đại Vận 10 (99 - 108 tuổi)			Đại Vận 11 (109 - 118 tuổi)		
Thực BÍNH	NGỌ	Đ.Vượng	Thương ĐINH	MÙI	Q.Đới	T.Tài MẬU	THÂN	Bệnh	Tài KỶ	DẬU	T.Sinh
Đinh	Kỷ		Kỷ	Át		Canh	Mậu	Nhâm		Tân	
Thương	Tài		Tài	Kiếp	Thương	Sát	T.Đinh	Kiêu	Quan	Quan	
L.Quan	L.Quan		Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	Bệnh	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	
Thực BÍNH	2006	1 tuổi	Thương ĐINH	2007	2 tuổi	T.Tài MẬU	2008	3 tuổi	Tài KỶ	2009	4 tuổi
TUẤT		Mộ	HỢI		Thai	MẬU	TÝ	Thái	KỶ	SƯU	Mộ
Quan	2011	6 tuổi	Kiêu NHÂM	2012	7 tuổi	Án QUÝ	2013	8 tuổi	Tỷ GIÁP	2014	9 tuổi
TÂN	MÃO	Tuyệt	THÌN	MỘ		QUÝ	TÝ	Thai	NGỌ	TỬ	
Thực BÍNH	2016	11 tuổi	Thương ĐINH	2017	12 tuổi	T.Tài MẬU	2018	13 tuổi	Tài KỶ	2019	14 tuổi
THÂN	DẦN	Bệnh	DẬU	T.Sinh		TUẤT	MỘ		HỢI	THÌN	
Quan	2021	16 tuổi	Kiêu NHÂM	2022	17 tuổi	Án QUÝ	2023	18 tuổi	Tỷ GIÁP	2024	19 tuổi
TÂN	SỬU	Dưỡng	DẦN		Bệnh	MÃO	T.Sinh		THÌN	Suy	
Thực BÍNH	2026	21 tuổi	Thương ĐINH	2027	22 tuổi	T.Tài MẬU	2028	23 tuổi	Tài KỶ	2029	24 tuổi
NGỌ	Đ.Vượng		MÙI	Q.Đới		THÂN		Bệnh	DẬU	CANH	TUẤT
Quan	2031	26 tuổi	Kiêu NHÂM	2032	27 tuổi	Án QUÝ	2033	28 tuổi	Tỷ GIÁP	2034	29 tuổi
TÂN	HỢI	M.Dục	TÝ	Đ.Vượng		SƯU	Q.Đới		DÀN	L.Quan	
Thực BÍNH	2036	31 tuổi	Thương ĐINH	2037	32 tuổi	T.Tài MẬU	2038	33 tuổi	Tài KỶ	2039	34 tuổi
THÌN	Q.Đới		TÝ	Đ.Vượng		NGỌ	Đ.Vượng		MÙI	Q.Đới	
Quan	2041	36 tuổi	Kiêu NHÂM	2042	37 tuổi	Án QUÝ	2043	38 tuổi	Tỷ GIÁP	2044	39 tuổi
TÂN	DẬU	L.Quan	TUẤT	Q.Đới		HỢI	Đ.Vượng		TÝ	M.Dục	
Thực BÍNH	2046	41 tuổi	Thương ĐINH	2047	42 tuổi	T.Tài MẬU	2048	43 tuổi	Tài KỶ	2049	44 tuổi
DẦN	T.Sinh		MÃO	Bệnh		THÌN	Q.Đới		NGỌ	CANH	
Quan	2051	46 tuổi	Kiêu NHÂM	2052	47 tuổi	Án QUÝ	2053	48 tuổi	Tỷ GIÁP	2054	49 tuổi
TÂN	MÙI	Suy	THÂN	T.Sinh		DẬU	Bệnh		TUẤT	Dưỡng	
Thực BÍNH	2056	51 tuổi	Thương ĐINH	2057	52 tuổi	T.Tài	2058	53 tuổi	Tài	2059	54 tuổi
									Sát	2060	55 tuổi

BINH	I Y	Thai	ĐINH	SƯU	Mộ	MẬU	DAN	T.Sinh	KÝ	MAO	Bệnh	CANH	I HIN	Dưỡng
Quan TÂN	2061 TY	56 tuổi Tử	Kiêu NHÂM	2062 NGỌ	57 tuổi Thai	Ấn QUÝ	2063 MÙI	58 tuổi Mộ	Tỷ GIÁP	2064 THÂN	59 tuổi Tuyệt	Kiếp ẤT	2065 DẬU	60 tuổi Tuyệt

Kim Hòa Thủy Thủ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Em Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Em Xemtuong lá số tú trụ này và luận giải cùng Quý Em những vấn đề mà Quý Em đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Em hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Em không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trụ, bát tự hay tú trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Em dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Em nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Em cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Em đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Em mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ năm **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ tháng **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ ngày **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ giờ **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Bính** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Mậu** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Giáp** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Giáp** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Kỷ Sửu (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: Kỷ Mão (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Kỷ Sửu và Kỷ Mão này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Kỷ Sửu** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh **Đinh** Dậu nạp âm là **HỎA** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Em phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Kỷ Sửu** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ năm **Bính Tuất** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Kỷ Sửu** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ tháng **Mậu Tuất** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Kỷ Sửu** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ ngày **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Kỷ Sửu** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ giờ **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Tú Trụ Thuần Dương

Còn gọi là bát tự thuần dương là dạng tú trụ có cả 4 can trong tất cả các trụ chỉ gồm những loại can dương là: giáp, bính, mậu, canh, nhâm. Dạng tú trụ này ứng với câu nói "động dương bất sinh" nghĩa là chỉ toàn có dương thì không thể sản sinh, phát triển được. Tính cách của người có dạng tú trụ này sẽ rất mạnh mẽ, kiên cường, luôn cảm thấy cô đơn, quả giao. Thiên về nam tính, cương trực. Đồng thời cũng có nhân duyên rất thâm sâu với phật gia và đạo gia, cũng yêu thích và hứng thú với thế giới thuật số, tôn giáo, huyền học. Một đặc điểm của dạng tú trụ thuần dương này nữa là sẽ sống trong môi trường làm việc sẽ toàn là đàn ông, cũng giao tiếp, kết thân với đối tượng chủ yếu là nam giới chiếm phần nhiều. Đây cũng là một dạng tú trụ của người đồng tính, số mệnh của dạng tú trụ này cho dù là người có gia đình, thành công trong sự nghiệp thì cũng phải sống cuộc sống khi về già cô độc, cho dù có con cái thì con cái cũng tự xa dời bỏ mẹ để sống riêng, cho dù có vợ hoặc có chồng thì cũng không được sống chung lâu dài, có thể là ly hôn, tan vỡ (do tính cách quá mạnh mẽ, cương cứng nên dễ đỗ vỡ trong hôn nhân) hoặc cũng có thể là do công việc mà vợ chồng thường xuyên đi công tác xa, ít ở nhà với nhau. Đây là một dạng tú trụ điển hình của các thần tu và những doanh nhân siêu giàu, chính trị gia, cán bộ cấp cao trong nhà nước nên luôn phải đi công tác xa nhà, đi lại rất nhiều. Dạng tú trụ này chiếm 1/16 trong tổng số tất tú trụ.

Tổng kết lại thì tú trụ thuần dương này đều có một đặc điểm rất nổi trội đó là nhân duyên với hôn nhân, con cái là rất mỏng nhưng lại có mối kỳ duyên với tôn giáo, thuật số. Đại đa số người đồng tính hiện nay đều có dạng tú trụ dạng nhị thuần này.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Bính Tuất** là **HỎA** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Mậu Tuất** là **Thổ** **Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Giáp Tuất là Mộc khắc Thổ.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Giáp Tuất là Mộc khắc Thổ.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức dưới trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời dụng cơ thàn đắc lực năm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời kia đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 3/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Tuất Tuất này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Tuất Tuất này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Tuất Tuất này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Thân Nhược: Mộc 18/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Em có Thân Mộc Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là 18/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 14/36 điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Em là **Thân Nhược Mộc**. Để Quý Em Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, do đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược Mộc thì dụng thần nên là **Thủy** để sinh thêm **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Em là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Em là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phun, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Em là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Em khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Em không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Hỏa (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cây giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Em vì **Mộc** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng

thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Em vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bùa tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Em nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Em là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Em là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Em hãy xem bùa ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Em có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Em, ví dụ chữ dụng thần Quý Em có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Em hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Em, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Em mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Bính Tuất bị Nhâm Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Nhâm Thìn.

Trụ Tháng Mậu Tuất bị Giáp Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Giáp Thìn.

Trụ Ngày Giáp Tuất bị Canh Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Canh Thìn.

Trụ Giờ Giáp Tuất bị Canh Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Canh Thìn.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Em nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tú trụ, những năm đó rất xấu với Quý Em, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Em hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoằn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Ngà	Thủy
----------	-----	-----	-----	-----	-----	------

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cằm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lanh lẹ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dấu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tú tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phương Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

Quý Em Người Thuộc Mộc Nhược

Người Mộc suy thì tóc thưa, vóc người gầy, tính cách hẹp hòi, đố kỵ, bất nhân, bất nghĩa. Nếu người Mộc quá suy thì cũng hay mắc các bệnh như người Mộc quá vượng(bệnh về gan, mật, thận kinh hoặc xương khớp), nhưng thường dễ mắc các bệnh về gan, mật hơn người Mộc quá vượng.

Cung Mệnh ở Dậu sao Thiên bí

Quý Em tính tình cương trực, đề phòng điều tiếng.

Trụ năm của Quý Em có Thực Thần

Trụ năm có thực thần (thực) thì được âm đức của bố mẹ, sự nghiệp phát đạt, một đời bình an phúc lộc. Nếu tú trụ có sao tài thì phúc lộc càng tăng. Trường hợp can Thực thần có chi Tỷ kiêm thì làm con nuôi.

Trụ tháng của Quý Em có Thiên Tài

Trụ tháng thiên tài có giờ kiếp tài (kiếp) thì trước giàu sau nghèo. Trường hợp năm tháng can cùng thiên tài thì bố nắm quyền hai nhà hoặc làm con nuôi. Trường hợp can chi đều thiên tài (tài) thì xa nhà thì làm ăn phát đạt.

Trụ ngày của Quý Em có Thiên Tài

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khẳng khái, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biếu hiện bản thân.

Trụ giờ của Quý Em có Tỷ Kiêm

Trụ giờ có tỷ kiêm (tỷ) thì con cái cương trực, thẳng thắn, hào hoa nghĩa khí. Có con cái nối dõi. Nếu tọa dương nhẫn thì khắc bố. Còn bản thân là người thừa kế, hoặc là con nuôi, hoặc con thừa kế.

Tú trụ của Quý Em có quá nhiều Chánh Quan

Chính quan quá nhiều trong tú trụ thì có sự khắc chế trói buộc trở thành nhu nhược, năng lực yếu. Mặt khác báo việc gia đình không đầy đủ, tiền đồ học hành có cản trở, nếu không có ấn mạnh hóa giải cứu trợ thì không hay. Chính quan không nên gặp Thương quan, vì họa có thể đến. Nhưng có trường hợp Chính quan nhiều mà gặp Thương quan thì lại hay.

Tú Trụ của Quý Em có Thiên Trù

Thiên trù quý nhân: Được ơn huệ chu cấp quần áo lương thực, một đời không phải lo nghĩ.

Tú Trụ của Quý Em có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ độn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tú Trụ của Quý Em có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung

hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Khôi canh quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 129)

Trong trụ không có tài, quan, hình, sát thì mới tốt, nếu có lại là xấu.

Nếu gặp vượng địa thì tốt vô cùng.

Trong bốn ngày đó, đối với canh tuất và canh thìn nếu tú trụ có quan là không tốt; hai ngày mậu tuất và nhâm thìn nếu trong tú trụ có tài vận cũng không tốt.

Khôi canh quý nhân chỉ về người có tính cách thông tuệ, ưa sát phạt.

Nếu trong tú trụ có hình xung phá hại thì người ấy nghèo rách kiệt quệ.

Người gặp thiên canh địa khôi, nếu suy thì nghèo đói rách nát; nếu vượng thì giàu sang tuyệt trần, khôi canh tụ hội thì phúc phát phi thường.

Tính cách thông minh, văn chương nổi tiếng, gặp việc thì quả đoán, nắm quyền thích sát phạt, thân vượng thì phát phúc to.

Nhưng gặp tài quan thì tai họa ập đến ngay, nếu tú trụ có hình sát thì còn nặng hơn.

Nếu lâm tài vượng, quan vượng thì phải đề phòng tai họa bất ngờ. Nếu lệnh tháng gặp tài quan ấn thụ, ngày chủ một trong bốn ngôi, tức lấy tài quan ấn thực làm dụng thần, tuy hơi bị phá tài, nhưng nhờ tài quan ấn thực đưọc ngôi nên không bị hại nhiều.

Canh tuất, canh Thìn hai ngày này không có quan tinh, nếu khôi canh trùng điệp hữu tình thì chủ về phú quý danh tiếng; nếu gặp tài quan thì xấu.

Gặp tuế vận còn gặp cả tài quan vượng thì tai vạ khôn lường.

Người trong tú trụ tuy có khôi canh quý nhân, tuy có tài lãnh đạo, tiếng vang sức mạnh, thích quyền bính, hiếu thắng, nhưng việc hôn nhân thường trắc trở. Ngoài ra nếu không tôn trọng pháp luật thì khó tránh tù đày.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tú trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tú trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua

được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen rối trong tập thể.

Can năm Quý Em là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Em gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Em gấp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Trụ tháng Quý Em gấp Thiên tài quý lộc là cha cao sang tột bậc.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngày giáp ất gặp vận dần mão.

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dần mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

Thiên tài bị khắc thì cha mất trước mẹ.

Thiên tài là cha nhưng ở đất tuyệt tử memento xem như bị khắc

Trụ năm Quý Em là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thăng tài cho nên không thừa kế nối sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, memento địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Chi tháng giống chi năm là không có tổ nghiệp.

Can năm đóng ở tử tuyệt, memento hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ
Trụ ngày Quý Em yêu, mà không có tỉ kiếp thì lấy ân để tính số lượng anh em.
Trong Tứ trụ Quý Em gấp thìn tuất sủu mùi nhiều là anh em xa rời nhau, tình thân hờ hững.
Mệnh Quý Em gấp hoa cái là anh em ít.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Em về hôn nhân như sau.

Quý Em Nam tuổi **Bính Tuất** hợp với Nữ tuổi **Tân Mão - Giáp Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Em có thể tùy ý chọn.

Quý Em có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiễu loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Nam gấp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gấp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Giáp thìn, giáp tuất, nam gấp phải hai ngày đó là khắc vợ, nữ gấp hai ngày đó là khắc chồng.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Quý Em người thuần dương thì dễ mất vợ.

Quý Em có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Em là thìn tuất sủu mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Em lấy suy làm hại.

Quý Em Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Em có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Em Nam gấp tài nhiều, thân yếu, là rời quê hương lấy vợ đẹp.

Quý Em Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gấp kình dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Em có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Em có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tú trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tú trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Trong trụ Quý Em có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Quý Em thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Em có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Năm, tháng, giờ đều sinh trợ cho ngày, như thế là ấn thụ sinh của, hành đến vận quan ấn thì sẽ giàu.

Trụ ngày Quý Em là giáp ất, đến vận mà gặp dần mão thì kiếp tài phá tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Quý Em có Thực thần mà đến những năm đại vận và lưu niên nếu gặp Tỷ là tài vật hao tán.

Tú trụ Quý Em không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Trong trụ Quý Em Thương Quan gặp Quan, không có Tài thì không có chức vị.

Quý Em Có Quan mà không có Ân, quan giả.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Quý Em có Thương Quan không có chút Tài tinh, tuy thông minh cơ xảo cũng chỉ hư danh hư lợi.

Nghề Nghiệp

Quý Em có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Em có Thương Quan Thương tận, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Em Ngũ hành càn thủy, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Tỷ Kiên và Kiếp Tài là hỷ dụng, hợp ngành nghề kinh doanh hùn hợp, công ty, cơ cấu có chia cổ phần, cũng có thể tay trắng làm nê.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Quý Em có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Em có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là Mộc

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lầy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trụ nhật Quý Em làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Em suy là sinh con gái.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Người trong Tú trụ dần, sủu hoặc tuất hợi nhiều là người chân to, chân nhỏ.

Người sinh vào các giờ thìn, tuất, sủu, mùi thì lúc sinh ra nằm sấp.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh cùn gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con tra. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Em có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Quý Em thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Hoa cái Quý Em ở trụ giờ và thai là con nuôi.

Tú trụ Quý Em thuần dương thì khó có con.

Trong trụ Quý Em có thìn, tuất, sủu mùi là khắc cha mẹ, thìn tuất khắc cha, sủu mùi khắc mẹ.

Giờ sinh Quý Em ở thìn, tuất, sủu mùi phần nhiều là con nuôi.

Quý Em Trụ giờ gặp kình dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Trụ giờ Quý Em gặp hoa cái là người thân cô, có con nhưng cuối đời bị thương mà chết.

Quý Em Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Can năm Quý Em gặp thực thần, nếu sinh con trai thì không thuận.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Trụ Quý Em có Thiên đức Nguyệt đức, cả đời ít bệnh.

Quý Em có Thương quan trùng trùng, đề phòng đau ở eo, chân, xương.

Mộc quá nhược hoặc tử tuyệt, phần nhiều bị váng đầu, hoa mắt, khí huyết không điều hòa, tóc thưa và mềm, có hiện tượng đau thần kinh, nếu nghiêm trọng sẽ đau gan, mật, tổn thương đùi và bàn chân.

Giáp mộc gặp hỏa nhiều, hay bị bệnh về thần kinh.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số túr trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sủu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta đều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Em hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ân**(Chánh Ân), **Kiều**(Phiến Ân, Thiên Ân), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Em hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túr trụ, tương đương những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Em có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bối cát các sao của trụ..., nếu Quý Em chưa biết gì về túr trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980

Thương		Dưỡng
CANH	THÂN	L.Quan
Canh	Mậu	Nhâm
Thương	Kiếp	Tài
Dưỡng	Q.Đới	Mô

Trụ Tháng 04

Thương		Dưỡng
CANH	THỊN	Dưỡng
Mậu	Át	Quý
Kiếp	Sát	T.Tài
Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng

Trụ Ngày 16

Thân	Tỷ	Suy
KỶ	MÙI	Q.Đới
Tỷ	Át	Đinh
Suy	Sát	Kiêu
Q.Đới	Q.Đới	Suy

Trụ Giờ 17:17

T.Tài		Dưỡng
QUÝ	DẬU	Bệnh
Tân	Thực	Mộ

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Em Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Em Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Em Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Em Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, truy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ân, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tői (là can có cùng hành và cùng dǎu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cắp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, ... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cắp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tői (là can cùng hành nhưng khác dǎu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cắp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí mạnh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dǎu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dǎu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuỳ, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dǎu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tői. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thàn làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thàn.

Tâm tính cằn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thàn, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thàn.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Em đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Em. Quý Em có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Em.

Xem Tướng châm net chân thành chúc Quý Em Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net